

Bản án số: 70/2019/HC-PT

Ngày: 31/5/2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Xuân Điền

Ông Trần Quốc Cường

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 102/2019/TLPT-HC ngày 22 tháng 01 năm 2019 về: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”; Do bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HC-ST ngày 08-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 407/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Ông **Lê Thanh H**, sinh năm 1967 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ liên hệ: thành phố Hồ Chí Minh (có mặt). ***Người đại diện hợp pháp:*** Ông **Nguyễn Chí H1**, sinh năm 1958; Trú tại: Đ, Quảng Ngãi, là *người đại diện theo ủy quyền* của ông Lê Thanh H (văn bản ủy quyền số 547 ngày 24/4/2019 của UBND xã P) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Thiều Quang V** - Văn phòng luật sư Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi và Luật sư **Trương Quang T3** - Trưởng văn phòng luật sư Q thuộc Đoàn luật

sư tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

*** Người bị kiện:**

1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi**; Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi-Ông **Trần Ngọc C** (vắng mặt). *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*: Ông **Phí Văn H**, chức vụ: Phó giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi (có mặt)

2. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi**; Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi-Ông **Trần Phước H3**. *Người đại diện hợp pháp*: Ông **Võ Thanh H4** - Phó Chủ tịch UBND huyện Đ, là *người diện theo ủy quyền* (văn bản ủy quyền số 1872/QĐ-UBND ngày 27/5/2019) (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt). *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*: Ông **Võ Văn L**, chức vụ: Trưởng phòng tư pháp huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. **Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi**; Địa chỉ: Xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *Người đại diện hợp pháp*: Ông **Võ Văn X**, chức vụ: Chủ tịch, là *người đại diện theo pháp luật* (có mặt).

2. Ông **Lê Thanh T2**, sinh năm 1985;

3. Bà **Lê Thị Ngọc A**, sinh năm 1988;

4. Bà **Lê Thị Ánh N**, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *Người đại diện hợp pháp* cho Ông T2, bà A, bà N: Ông **Lê Thanh H**, là *người đại diện theo ủy quyền* (văn bản ủy quyền ngày 30/5/2019) (có mặt)

5. Ông **Nguyễn B**, sinh năm 1976. *Người đại diện hợp pháp*: Bà **Nguyễn Thị A1**, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, là *người đại diện theo ủy quyền* (văn bản ủy quyền ngày 05/6/2018) (có mặt).

6. Ông **Nguyễn Đ**, sinh năm 1939; Địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *Người đại diện hợp pháp*: Luật sư **Huỳnh Ngọc A** - Văn phòng luật sư Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi, là *người đại diện theo ủy quyền* (văn bản ủy quyền ngày 11/6/2018) (có mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Ông **Thiều Quang H1**; Địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

2. Ông **Phạm Văn M**; Địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

3. Ông **Nguyễn Văn N**; Địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (có

mặt).

4. Ông **Huỳnh Tấn K**; Địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

5. Ông **Trần H2**; Địa chỉ: Vùng 7, thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

* **Người kháng cáo:** Ông **Lê Thanh H**, sinh năm 1967 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ liên hệ: thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T trình bày:
Năm 2003 Ủy ban nhân dân (UBND) xã P cân đối giao đất màu (đất sản xuất) cho người dân làm nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính Phủ. Gia đình ông, bà có 05 nhân khẩu gồm 02 vợ chồng, 03 người con và một liệt sĩ là ông Lê Hồng Đ1 (cha của ông H, hy sinh trong thời kỳ chống Mỹ nên được hưởng 1/2 suất). Như vậy, gia đình ông, bà được 5,5 suất tại thửa đất số 539, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.088m², bản đồ được lập theo Chỉ thị 299/TTG của Chính Phủ. Khi được tổ đo đạc của xã P giao đất, vợ chồng ông, bà có xây một móng nền nhà tại thửa đất số 539. Móng nền nhà xây bằng đá xanh, xi măng, diện tích 72m². Tổ chia đất, giao đất gồm có: Ông Thiệu Quang H1 (Địa chính xã P; ông Phạm Văn M (Cán bộ kế hoạch hợp tác xã Nông nghiệp xã P, nay là Phó Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc xã P); ông Nguyễn Văn N; ông Huỳnh Tấn K (cán bộ hợp đồng giao đất theo Nghị định 64 và là người viết phiếu thu tiền để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); ông Trần H2 (tên gọi khác là Trần H2, nguyên là thôn trưởng thôn B, xã P). Do nuôi tôm bị thua lỗ nên vợ chồng ông bà vào thành phố Hồ Chí Minh làm thuê để nuôi sống gia đình và trả nợ. Năm 2004 ông Nguyễn B (là con cùng mẹ khác cha với ông Lê Thanh H) tự ý xây nhà trên thửa đất số 539 (phía Nam thửa đất). Năm 2006 UBND xã P thành lập bản đồ đa dạng hóa nông nghiệp nông thôn, tách thửa đất 539 thành hai thửa (thửa 487 diện tích 1.435m², thửa 280 diện tích 1.653m² (thửa này ông Nguyễn B đã làm nhà)). Cả hai thửa đất số 487 và 280 ghi trong bản đồ có ký hiệu là ONT đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 05, xã P. Sau khi Ông Nguyễn B chiếm thửa đất số 539 để làm nhà, vợ chồng ông bà đã làm đơn gửi đến UBND xã P để đòi lại đất (thửa đất số 539), vì đất này là đất đã giao cho gia đình ông bà theo Nghị định 64/CP, nhưng bị ông Nguyễn Đ là chồng sau của mẹ ông (bà Trần Thị L đã qua đời) tranh chấp, đòi lại toàn bộ thửa đất số 539, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.088m², ông Đ cho rằng đất này là đất của ông bà ông Đ để lại. Trong lúc này hộ ông Đ có 5,5 suất, được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cả đất màu và vườn ươm). Tại báo cáo số 97/BC-UBND ngày 03-10-2013 của Chủ tịch UBND xã P về kết quả hòa giải giữa ông Nguyễn Đ với ông Lê Thanh H có nội dung: Công nhận hộ ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T đã được UBND xã P cân đối đất màu tại thửa đất số 487, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.435m² là đủ tiêu chuẩn,

đúng pháp luật. Ông Nguyễn Đ tiếp tục khiếu nại lên UBND huyện Đ. Ngày 06-3-2015, UBND xã P tổ chức hòa giải cũng không thành. Vợ chồng ông, bà gửi đơn khiếu nại thì UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 về việc giải quyết tranh chấp đất giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ, bác khiếu nại của ông bà. Ngày 06-11-2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2106/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ, bác khiếu nại của ông bà. Khi bà Trần Thị L (mẹ ông H) qua đời, vợ chồng ông bà về để tang thì phát hiện biên lai thu phí và lệ phí liên 2, giao cho người nộp tiền, đứng tên Lê Thanh H, có số 008215 lệ phí Nghị định 64/CP. Vì vậy, ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ.

2. Hủy Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ.

Ông Lê Thanh T - Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày tại hồ sơ: Thừa đất các bên tranh chấp là thửa đất số 487, tờ bản đồ số 5 xã P (bản đồ địa chính lập năm 2006), có diện tích 1.435m², nguyên là một phần của thửa đất số 539, tờ bản đồ số 01, xã P, lập theo Chỉ thị số 299/TTg, diện tích khoảng 2.952m², loại đất màu (M), có nguồn gốc của bà Võ Thị V, lưu hạ để lại cho cha mẹ ông Nguyễn Đ là ông Nguyễn C (chết năm 1965) và bà Võ Thị T1 (chết năm 1975). Trong chiến tranh thửa đất này bỏ hoang, sau năm 1975 hộ ông Đ sản xuất trên thửa đất số 539. Năm 2003 UBND xã P giao đất theo Nghị định số 64/CP đối với loại đất nông nghiệp (đất màu, đất vườn thừa, đất trồng cây lâu năm) thì toàn bộ thửa đất số 539 không đưa vào cân đối giao theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Đ. Vì hộ ông Nguyễn Đ đã được xã P cân đối giao đủ diện tích theo hạn mức; đối với hộ ông H, bà T thì không có bất kỳ hồ sơ pháp lý nào để chứng minh vợ chồng ông H, bà T được Nhà nước giao đất theo Nghị định 64/CP tại thửa đất này; hơn nữa tại thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP của xã thì hộ ông H, bà T không có mặt ở địa phương và trên thực tế ông H, bà T cũng không canh tác, sản xuất trên thửa đất này. Năm 2003, con trai ông Đ là ông Nguyễn B lập gia đình tách ra ở riêng, sử dụng phần diện tích phía Nam của thửa đất số 539 xây dựng nhà ở, lập vườn (nay là thửa đất số 280, diện tích 1.653m², tờ bản đồ số 05, xã P lập năm 2006). Phần diện tích còn lại của thửa đất số 539, ông Nguyễn Đ sử dụng canh tác, trồng hoa màu (nay là thửa đất số 487, diện tích 1.435m², tờ bản đồ số 05, xã P lập năm 2006). Đến năm 2004, vợ chồng ông H, bà T xây móng làm nhà trên phần diện tích còn lại của thửa đất số 539 (nay thửa số 487), nhưng ông Đ ngăn chặn, không cho xây dựng (hiện nay vẫn tồn tại móng nhà 84,6m²). Như vậy, năm 2004 đã phát sinh tranh chấp đối với thửa đất số 487, diện tích 1.435m². Năm 2012 ông Nguyễn Đ đến UBND

xã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa số 539 thì bà Trần Thị T phát sinh tranh chấp, vì cho rằng thửa đất nêu trên đã được UBND xã P giao cho hộ bà T theo Nghị định 64/CP vào năm 2003. Việc tranh chấp đất giữa vợ chồng ông H, bà T với ông Nguyễn Đ, được Hội đồng hòa giải của xã P tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thành (Biên bản ngày 04-5-2012, ngày 04-9-2013, ngày 06-3-2015, ngày 26-4-2016). Hồ sơ thửa đất lưu trữ cho thấy: Sổ Mục kê ruộng đất ghi thông tin xã P, huyện Đ, tỉnh Nghĩa Bình (chưa được cấp thẩm quyền ký, đóng dấu và không ghi ngày, tháng, năm xác lập), tại trang số 24 thể hiện: Thửa đất số 539, tờ bản đồ 01, xã P, diện tích 2952m², thuộc xứ đồng Rầy, loại đất ĐM, tên chủ sử dụng: Đội 4 HTXNN P. Bản đồ lập theo Chỉ thị số 299/TTg năm 1983 (chỉnh lý năm 1999, được Sở Địa chính thẩm định tháng 12/1999) thì thửa đất số 539, diện tích 2.952m², loại đất màu (M), tờ bản đồ số 01, xã P, không thể hiện chủ sử dụng đất. Hồ sơ địa chính lập năm 2006, thửa đất số 539 biến động, tách thành 02 thửa (thửa số 487 đang tranh chấp và thửa 280), thuộc tờ bản đồ số 05, xã P. Theo sổ mục kê đất đai lập năm 2006, thể hiện thửa đất số 280, đối tượng sử dụng quản lý là ông Nguyễn B, loại đối tượng GDC (hộ gia đình, cá nhân), diện tích 1.653m², kiểm kê đất ở nông thôn (ONT); thửa đất số 487 đối tượng sử dụng quản lý là UBND xã, loại đối tượng UBS (UBND xã quản lý, sử dụng), diện tích 1.435m², kiểm kê đất ở nông thôn (ONT). Ngày 06-5-2016 Tổ công tác phối hợp cùng phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã P, Trưởng thôn B, các bên tranh chấp tiến hành kiểm tra, đo đạc thực tế hiện trạng thửa đất số 539 có tổng diện tích là 3.229m². Hiện trạng thửa đất có 01 ngôi nhà của vợ chồng ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị A1; 01 móng nhà xây bằng đá chẻ, giằng bê tông cốt thép do vợ chồng ông H, bà T xây vào năm 2004; 08 ngôi mộ họ tộc ông Nguyễn Đ; các cây do ông Nguyễn Đ và Nguyễn B trồng. Vì vậy, ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ là không có cơ sở.

Ông Trần Ngọc C - Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày tại hồ sơ: Phần đất ông Lê Thanh H, bà Trần Thị T tranh chấp với ông Nguyễn Đ thuộc thửa đất số 487, diện tích 1.435m², tờ bản đồ số 5 xã P (lập năm 2006) là một phần của thửa đất số 539, diện tích khoảng 2.952m², tờ bản đồ số 01, xã P (lập theo Chỉ thị số 299/TTg). Nguyên trước năm 1975 là của cha mẹ ông Nguyễn Đ. Sau khi cha mẹ ông Đ qua đời thì ông Đ quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 539. Năm 2003 ông Đ cho ông Nguyễn B (con trai của ông Đ) một phần phía Nam thửa đất để làm nhà ở, phần còn lại ông Đ sử dụng trồng hoa màu. Năm 2004, ông Lê Thanh H, bà Trần Thị T xây móng làm nhà thì ông Đ ngăn cản nên ông H, bà T không xây nữa, từ đó ông Đ tiếp tục quản lý, sử dụng đất trồng hoa màu đến nay. Năm 2006, thửa đất số 539 biến động tách ra thành 02 thửa: Thửa số 280, diện tích 1.653m², chủ sử dụng ông Nguyễn B; thửa số 487, diện tích 1.435m² chủ sử dụng UBND xã P. Năm 2011 ông Nguyễn Đ thực hiện kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 487, diện tích 1.435m² thì bà

Trần Thị T phát sinh đơn tranh chấp cho rằng thửa đất này đã được UBND xã cấp cho gia đình bà theo Nghị định 64/CP vào năm 2003, UBND xã P đã tổ chức hòa giải 04 lần nhưng không thành. Ngày 02-4-2015 ông Nguyễn Đ làm đơn gửi UBND huyện Đ đề nghị giải quyết công nhận thửa đất đang tranh chấp cho ông. Đồng thời ngày 10-5-2015 bà T cũng có đơn gửi UBND huyện Đ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp cho gia đình bà. Trên cơ sở Báo cáo số 80/BC-TNMT ngày 18-5-2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 về việc giải quyết tranh chấp đất giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ, bác khiếu nại bà T. Bà T tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06-11-2017 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ, bác khiếu nại của bà T. Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác đơn khởi kiện của ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T, vì yêu cầu của ông, bà không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã P không có văn bản thể hiện quan điểm đối với vụ án.

Ông Nguyễn B trình bày: Cha ông là ông Nguyễn Đ được ông bà lưu hạ 01 mảnh vườn khoảng 06 sào tọa lạc tại vùng 8, thôn B, xã P, huyện Đ. Từ năm 1975 đến nay cha ông trực tiếp sử dụng, canh tác trên diện tích đất này. Nay trên đất còn khoảng hơn 30 cây Bạch đàn do cha ông trồng trên 30 năm tuổi và mồ mả của ông bà. Năm 2003 ông được cha ông cho làm nhà ở và sử dụng một phần của mảnh vườn, diện tích khoảng 1.600m² nằm phía Nam, diện tích còn lại 1.400m² cha ông vẫn tiếp tục sử dụng. Năm 2004 vợ chồng ông H bà T tự ý đến phá của cha ông 03 cây đào lộn hột và xây dựng móng nhà để làm nhà ở trên phần đất 1.400m² nằm phía Bắc mảnh vườn. Phát hiện việc này, cha ông ngăn chặn không cho vợ chồng ông H, bà T sử dụng. Năm 2012 cha ông đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.400m² thì bà T phát sinh tranh chấp. Việc tranh chấp của bà T đã được Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T.

Ông Nguyễn Đ trình bày: Giống như trình bày của ông Nguyễn B và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HC-ST ngày 08-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H, bà Trần Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ và Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06- 11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21-11-2018, người khởi kiện ông Lê Thanh H, bà Trần Thị T kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 21/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định kháng nghị số 1341/QĐ-VKS đề nghị sửa toàn bộ Bản án dân sự số 28/2018/HC-ST ngày 08-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bổ sung thêm kháng cáo là yêu cầu hủy tờ bản đồ số 5 là vì người bị kiện tự tiện tách thửa 539/3.008m² thành 2 thửa 487/1435m² và 280/1.653m², đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ (sau đây viết tắt là Quyết định 2365) và Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06- 11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ (sau đây viết tắt là Quyết định 2106). Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng các quyết định trên ban hành trái pháp luật đề nghị HĐXX phúc thẩm tuyên hủy và buộc người bị kiện ban hành lại các quyết định khác cho đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 1341/ QĐ-VKS ngày 21/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đề nghị sửa toàn bộ bản án dân sự số 28/2018/HC-ST ngày 08-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H bà T, hủy 02 Quyết định số 2363 và 2106.

Đại diện những người bị kiện và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên quan điểm như tại phiên tòa sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của người khởi kiện, không chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, giữ nguyên bản án sơ thẩm, giữ nguyên các Quyết định số 2363/QĐ-UBND

ngày 09-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ và Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06- 11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã P, Ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn B đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Bản án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án hành chính đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo và Viện kiểm sát kháng nghị là có cơ sở do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T hủy Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ và Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06- 11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, người bảo vệ quyền lợi cho các đương sự và đại diện Viện kiểm sát.

[1] Xét yêu cầu và kháng cáo của vợ chồng ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T về việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ và Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06- 11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ.

[1.1] Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: Việc ban hành Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06- 11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đều đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Kháng cáo và kháng nghị không chỉ ra được chỗ nào là vi phạm nghiêm trọng thủ tục, nên việc đề nghị hủy không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[1.2] Về nội dung giải quyết của Quyết định số 2363 và Quyết định số

2106. Các quyết định trên căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

[1.2.1] Về nguồn gốc việc sử dụng đất các bên tranh chấp: Theo tài liệu hồ sơ thể hiện nguồn gốc 1.435m² đất tại thửa số 487, tờ bản đồ số 05 mà các bên tranh chấp có nguồn gốc từ một phần của 2.952m² đất có số thửa 539, tờ bản đồ số 01 là của bà nội ông Nguyễn Đ là bà Võ Thị V để lại cho con bà là vợ chồng ông Nguyễn C và bà Võ Thị T1, sau khi ông C bà Trương chết để lại cho con là ông Nguyễn Đ. Tại biên bản kiểm tra do các cơ quan chức năng tại địa phương xác lập vào ngày 06/5/2016 thể hiện trên thửa đất này có các tài sản là vật kiến trúc và cây lâu năm do ông Nguyễn Đ quản lý sử dụng từ trước đến nay, gồm: 08 ngôi mộ chiếm diện tích 141m² chôn cất ông bà, cha mẹ, vợ con ông Đ; 21 cây bạch đàn, 05 bụi tre, 02 cây sấu đông và nhiều loại cây khác.

[1.2.2] Về quá trình sử dụng đất: Sau năm 1975 ông Đ là người quản lý trực tiếp và sử dụng ổn định liên tục thửa đất trên sản xuất hoa màu và trồng cây lâu năm từ đó cho đến nay. Còn ông H bà T không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp vì ông bà ra huyện N, tỉnh Quảng Nam nuôi tôm và vào thành phố Hồ Chí Minh buôn bán và làm dịch vụ may mặc, thường xuyên không có mặt tại địa phương. Ông H bà T cho rằng năm 2003 ông bà được giao đất theo Nghị định 64/CP, nhưng theo xác nhận của UBND xã P, cũng như tại hồ sơ vụ án thì không có bất cứ tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông H bà T được các cơ quan có thẩm quyền giao cho quyền sử dụng thửa đất trên; Năm 2004 ông H bà T tiến hành xây nhà trên thửa đất này, do ông Đ ngăn cản nên ông H bà T mới xây xong phần móng thì ngưng lại và ông Đ vẫn tiếp tục sử dụng trồng hoa màu cho đến nay. Tại hồ sơ đăng ký ruộng đất thể hiện tên của Hợp tác xã nông nghiệp và UBND xã P, nhưng các cơ quan này thừa nhận không trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất trên mà ông Đ là người trực tiếp quản lý và sử dụng.

[2] Đối với kháng cáo bổ sung của người khởi kiện yêu cầu hủy tờ bản đồ số 5 là vì người bị kiện tự tiện tách thửa 539/3.008m² thành 2 thửa 487/1435m² và 280/1.653m². HĐXX thấy rằng đây là yêu cầu chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, việc kháng cáo đã vượt phạm vi khởi kiện trước đây, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cho rằng: Chứng cứ xác nhận thửa số 539, tờ bản đồ số 1 đã được giao cho ông H bà T là theo trình bày của những người trong tổ cấp đất vào năm 2003 và ông H có xuất trình được biên lai thu 15.000đ vào ngày 07/9/2003 của cơ quan thuế về việc cấp đất theo Nghị định 64/CP. HĐXX thấy rằng, hiện tại không có hồ sơ tài liệu nào để chứng minh những người làm chứng trên đây là tổ cấp đất hợp pháp. Tại tòa hôm nay những người làm chứng không xác định được ranh giới, mốc giới, diện tích mà tổ giao đất đã lấy đất của ông Đ chia cho ông H bà T cụ thể là bao nhiêu m². Ông H khai là tổ giao cho ông 3.008m², ông Kia khai là giao 1.650m², nhưng tại biên bản ngày 13/5/2016 ông khai là 500m², những người khác thì không xác định được. Đối với biên lai thu phí 15.000đ, thì ông Kia cho rằng đó là thu tiền lệ phí, tại phiên tòa ông cho rằng thu tiền để cấp

Giấy CNQSDĐ, trong khi ông H cũng được cấp Giấy CNQSDĐ có diện tích 624m² tại thửa số 535, tờ bản đồ số 02, do vậy không có cơ sở là ông H thu tiền để cấp Giấy CNQSDĐ thửa đất mà các bên đang tranh chấp. Mặt khác, theo văn bản xác nhận của Chi cục thuế huyện Đ số 718/CCT-TBTK ngày 05/5/2016, không thể hiện ông H nộp số tiền trên để thực hiện nghĩa vụ tài chính về sử dụng đất.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên đây, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H và bà T kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ mới, nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện, người đại diện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của ông Nguyễn Đ; Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T; Không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên của bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241, 242 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1/ Bác kháng cáo của ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T; Bác Quyết định kháng nghị số 1341/QĐ-VKS ngày 21/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 28/2018/HC-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H, bà Trần Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09-6-2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thanh

H với ông Nguyễn Đ và Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 06-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T, ông Lê Thanh H với ông Nguyễn Đ.

2/ Ông Lê Thanh H và bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, ông H bà T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 4236 ngày 05/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, ông H bà T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (31/5/2019)/.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường